

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Hoàng Anh	Chủ tịch
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó chủ tịch
Ông Trần Văn Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Bình	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Lê Hoàng Anh	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó Tổng giám đốc
Bà Phạm Thị Cẩm Anh	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Vinh Hiền	Phó Tổng giám đốc
Ông Trần Văn Long	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Chí Việt	Phó Tổng giám đốc bổ nhiệm ngày 01/03/2017

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 08 năm 2017, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.12 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, khoản Công ty mua lại 20% vốn góp của Ông Nguyễn Tất Lạc tại Công ty TNHH Chackkaphanh Mining Group (nay là Công ty TNHH Huatangnai Mining Group) theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23/6/2010 với giá trị là 77.022.500.000 đồng đã được Hội đồng quản trị Công ty đánh giá là một khoản tổn thất theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 10/2015/BB-HĐQT ngày 25/12/2015. Công ty đã thực hiện ghi nhận 50% giá trị khoản tổn thất tương ứng với giá trị 38.511.250.000 đồng vào Chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả kinh doanh năm 2015 và năm 2016 công ty kết chuyển thêm 6.000.000.000 đồng vào kết quả hoạt động kinh doanh. Phần còn lại của khoản tổn thất nêu trên là 32.511.250.000 đồng được Công ty ghi nhận vào khoản mục Chi phí trả trước dài hạn. Với những tài liệu hiện có tại Công ty và bằng các thủ tục kiểm toán, chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng để đánh giá tính hiện hữu của khoản đầu tư nêu trên và không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định khoản đầu tư nêu trên là tổn thất. Do đó chúng tôi không thể xác định được các ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến các chỉ tiêu có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017 của Công ty.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(tiếp theo)

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.5 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, khoản phải thu khác của Công ty TNHH Phong Thịnh với giá trị 11.347.160.000 đồng là khoản chuyển tiền theo Hợp đồng Dây chuyền tuyến nổi quặng đồng số 09/2010 ngày 08/09/2010; Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 22/03/2011. Tuy nhiên, tại thời điểm soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017, theo giải trình của Công ty thì khoản phải thu khác nêu trên được xác định là khoản đầu tư vào Nhà máy chế biến quặng thành phẩm M.P.F (nhà máy đặt tại bản Huai phan la, huyện Kasi, tỉnh Viêng Chăn, nước Cộng hòa DCND Lào) nhưng Công ty chưa thực hiện chuyển khoản phải thu khác này sang khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính. Với những tài liệu hiện có tại Công ty và bằng các thủ tục kiểm toán, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư khoản phải thu khác nêu trên hay không.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận” như trên, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận nào về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho kỳ hoạt kết thúc ngày 30/06/2017 của Công ty.



Phạm Ngọc Toàn

Phạm Ngọc Toàn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		308.953.056.594	283.456.199.856
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	54.065.063.154	18.626.978.203
1 Tiền	111		53.630.740.056	18.201.978.203
2 Các khoản tương đương tiền	112		434.323.098	425.000.000
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		124.380.982.637	187.364.681.511
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	93.665.569.754	161.037.603.542
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	8.695.679.146	3.957.341.588
4 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4.	56.300.000.000	56.300.000.000
5 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	26.745.289.637	27.095.292.281
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(61.025.555.900)	(61.025.555.900)
IV Hàng tồn kho	140		127.664.397.024	77.433.106.968
1 Hàng tồn kho	141	V.7.	127.664.397.024	77.433.106.968
V Tài sản ngắn hạn khác	150		2.842.613.779	31.433.174
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12.	34.764.409	31.433.174
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.358.840.399	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16.	449.008.971	-
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		265.787.522.085	255.877.597.049
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		16.636.210.703	11.537.075.394
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.11.	16.636.210.703	11.537.075.394
- Nguyên giá	222		32.198.864.848	26.111.753.499
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(15.562.654.145)	(14.574.678.105)
III Bất động sản đầu tư	230	V.9.	2.000.000.000	2.000.000.000
- Nguyên giá	231		2.000.000.000	2.000.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8.	3.112.934.951	3.112.934.951
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.112.934.951	3.112.934.951
V Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.4.	211.477.895.612	206.612.475.612
1 Đầu tư vào công ty con	251		182.698.520.000	177.833.100.000
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		26.300.000.000	26.300.000.000
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.200.500.000	6.200.500.000
4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(3.721.124.388)	(3.721.124.388)
VI Tài sản dài hạn khác	260		32.560.480.819	32.615.111.092
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	32.560.480.819	32.615.111.092
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		574.740.578.679	539.333.796.905

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này.)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘTại ngày 30 tháng 06 năm 2017
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C NỢ PHẢI TRẢ	300		305.505.838.615	261.061.692.474
I Nợ ngắn hạn	310		298.973.463.615	258.288.467.474
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.	128.282.902.737	178.983.300.418
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14.	51.931.061.784	19.473.137.820
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16.	29.874.295	5.480.867.947
4 Phải trả người lao động	314		794.385.060	-
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17.	12.771.010.001	670.264.243
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18.	11.018.820.253	1.601.318.589
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.	92.975.819.227	51.183.091.449
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.169.590.258	896.487.008
II Nợ dài hạn	330		6.532.375.000	2.773.225.000
1 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15.	6.532.375.000	2.773.225.000
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		269.234.740.064	278.272.104.431
I Vốn chủ sở hữu	410	V.19.	269.234.740.064	278.272.104.431
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		59.696.774.500	59.696.774.500
3 Cổ phiếu quỹ (*)	415		(21.102.892.075)	(21.098.433.409)
4 Quỹ đầu tư phát triển	418		23.897.888.303	23.897.888.303
5 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.232.251.900	4.232.251.900
6 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.510.717.436	11.543.623.137
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.000.623.137	5.719.853.865
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		510.094.299	5.823.769.272
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		574.740.578.679	539.333.796.905

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập biểu

KT Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc





Nguyễn Thị Hoa Vinh

Nguyễn Thị Hoa Vinh

Phạm Thị Cẩm Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	144.846.540.664	198.631.308.845
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		144.846.540.664	198.631.308.845
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	130.797.604.935	184.237.897.476
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		14.048.935.729	14.393.411.369
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	735.583.400	1.326.597.593
7 Chi phí tài chính	22	VI.4.	2.187.554.889	773.167.535
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.187.554.889	773.167.535
8 Chi phí bán hàng	25		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	11.909.597.214	14.419.798.501
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		687.367.026	527.042.926
11 Thu nhập khác	31	VI.5.	68.181.818	-
12 Chi phí khác	32	VI.6.	245.454.545	-
13 Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(177.272.727)	-
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		510.094.299	527.042.926
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	-	-
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		510.094.299	527.042.926

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập biểu

KT Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc





Nguyễn Thị Hoa Vinh

Nguyễn Thị Hoa Vinh

Phạm Thị Cẩm Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		510.094.299	527.042.926
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.022.406.867	1.692.105.803
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(803.747.320)	(1.326.597.593)
- Chi phí lãi vay	06		2.187.554.889	773.167.535
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.916.308.735	1.665.718.671
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		60.599.683.475	82.466.795.783
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(50.231.290.056)	(14.355.612.663)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(8.679.935.513)	(134.840.921.372)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		51.299.038	69.156.039
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.187.554.889)	(773.167.535)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.199.908.345)	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(224.355.416)	(67.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44.247.029	(65.835.131.077)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.121.542.176)	(132.552.300)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		68.181.818	(24.048.000.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.865.420.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		760.740.502	1.326.597.593
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.158.039.856)	(22.853.954.707)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		114.248.297.492	90.009.237.939
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(68.696.419.714)	(96.786.074.011)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		45.551.877.778	(6.776.836.072)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		35.438.084.951	(95.465.921.856)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		18.626.978.203	156.564.748.550
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.01	54.065.063.154	61.098.826.694

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập biểu

KT Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc





Nguyễn Thị Hoa Vinh

Nguyễn Thị Hoa Vinh

Phạm Thị Cẩm Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí, là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100109674 ngày 14 tháng 3 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 14 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 14 ngày 13 tháng 01 năm 2016 thì vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là: PHH

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương);
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 100KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản;
- Các hoạt động kinh doanh khác./.

Địa chỉ: Số 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

a) Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Thông tin về Chi nhánh:

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam

Địa chỉ: Số 96/108 Đường Trục, phường 13, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mã số Chi nhánh: 0100109674 - 001

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

b) Danh sách các công ty con, công ty liên kết

b1) Danh sách các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1. Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	Số 18, ngõ 4 Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội	Xây dựng các công trình	75,5%	75,5%
2. Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	Khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội	Xây lắp và kinh doanh bất động sản	62,73%	62,73%
3. Công ty CP Sản xuất cửa Hoa Kỳ	Cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro, xã Lê Chi, Gia Lâm, Hà Nội	Thi công lắp đặt cửa các loại	57,14%	57,14%

b2) Danh sách các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1. Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	Cụm công nghiệp Hà Mãn - Trí Quả, xã Hà Mãn, Thuận Thành, Bắc Ninh	Cung cấp gạch trung áp các loại	43,83%	43,83%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

II. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

III. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày 30/06/2017, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ

5.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	6 – 25
- Máy móc, thiết bị	3 – 10
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 – 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Công ty không khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí đầu tư xây dựng dự án cao ốc Văn phòng 407 Nguyễn An Ninh, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí: chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ, khoản tổn thất do khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN giữa Công ty và Ông Nguyễn Tất Lạc chờ phân bổ và các chi phí trả trước khác.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí các công trình, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn của các công trình tuân thủ các nguyên tắc:

Công ty chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn cho các công trình, hạng mục đã hoàn thành. Chi phí trích trước vào giá vốn là các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng. Số chi phí trích trước được tạm tính đảm bảo tương ứng với giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của công trình, hạng mục đã hoàn thành.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty là doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hợp đồng xây dựng và doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty/Doanh nghiệp tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hợp đồng xây dựng được tập hợp và ghi nhận tương ứng với doanh thu ghi nhận trong kỳ được xác định như sau:

Giá vốn trong năm = Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ + Chi phí phát sinh trong kỳ - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ.

Trong đó: chi phí SXKD dở dang cuối kỳ được xác định theo biên bản kiểm kê khối lượng dở dang cuối kỳ.

Giá vốn hoạt động chuyển nhượng bất động sản là nguyên giá của lô đất tại Bình Dương.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 10% đối với các lô hàng hàng khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền	53.630.740.056	18.201.978.203
Tiền mặt	109.680.782	131.193.401
Tiền gửi ngân hàng	53.521.059.274	18.070.784.802
Tiền gửi VND	53.521.059.274	18.070.784.802
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	4.622.679.412	6.340.816.914
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân	16.845.594.429	11.268.131.384
Ngân hàng TNHH INDOVINA - CN Thiên Long	50.382.113	51.199.535
Ngân hàng TNHH INDOVINA - CN Mỹ Đình	31.578.555.914	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bắc Sài Gòn	423.847.406	410.636.969
Các khoản tương đương tiền	434.323.098	425.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	434.323.098	425.000.000
Cộng	54.065.063.154	18.626.978.203

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.)***2. Phải thu của khách hàng**

	30/06/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	93.665.569.754	-	161.037.603.542	-
Bệnh Viện Chợ Rẫy	29.873.102.128	-	32.665.487.972	-
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	12.065.451.658	-	5.986.719.845	-
Trường ĐH Y tế công cộng	9.148.322.000	-	13.272.322.000	-
Công ty Cổ phần HANCORP	7.337.356.099	-	6.278.628.845	-
Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương	6.002.760.750	-	15.220.837.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	6.417.781.986	-	13.228.781.986	-
Các đối tượng khác	22.820.795.133	-	74.384.825.894	-
Cộng	93.665.569.754	-	161.037.603.542	-

*b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3***3. Trả trước cho người bán**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	3.361.714.108	3.361.714.108
Ban Vật tư (Trương Trung Nghĩa)	4.575.451.096	50.220.548
Các đối tượng khác	758.513.942	545.406.932
Cộng	8.695.679.146	3.957.341.588

*b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3***4. Phải thu về cho vay**

	30/06/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào (1)	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí (2)	1.300.000.000	-	1.300.000.000	-
Cộng	56.300.000.000	55.000.000.000	56.300.000.000	55.000.000.000

*(1) Là khoản Công ty cho Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào vay theo Hợp đồng cho vay vốn số 01/2009/VL-HHDK với thời hạn vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012.**(2) Là khoản Công ty cho Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí vay theo Hợp đồng vay vốn ngày 24/7/2015, mức cho vay tối đa là 2 tỷ đồng, số tiền vay theo từng lần nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 6 tháng đối với mỗi lần nhận nợ, lãi suất 9%/năm.*

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Số 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.)

4. Các khoản đầu tư tài chính

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc
		VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào công ty con				
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội (1)	182.698.520.000	-	182.698.520.000	177.833.100.000
Công ty CP Từ Hiệp Hồng Hà Dầu khí (2)	9.060.000.000	-	9.060.000.000	9.060.000.000
Công ty CP Sản xuất cửa Hoa Kỳ (3)	170.350.000.000	-	170.350.000.000	165.484.580.000
	3.288.520.000	-	3.288.520.000	3.288.520.000
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	26.300.000.000	3.721.124.388	22.578.875.612	26.300.000.000
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí (4)	26.300.000.000	3.721.124.388	22.578.875.612	26.300.000.000
- Đầu tư vào đơn vị khác	6.200.500.000	-	6.200.500.000	6.200.500.000
Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào (5)	4.200.500.000	-	4.200.500.000	4.200.500.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh (6)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	215.199.020.000	3.721.124.388	211.477.895.612	210.333.600.000
				3.721.124.388
				206.612.475.612

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.)

Chi tiết khoản đầu tư

(1) Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội

	30/06/2017	01/01/2017
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	75,50 %	75,50 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	75,50 %	75,50 %

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: số 18, ngõ 4, phố Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội. Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Hồng Hà Hà Nội: Công ty CP Hồng Hà Hà Nội là nhà thầu xây lắp. Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng.

(2) Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí

	30/06/2017	01/01/2017
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	62,73 %	62,44 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	62,73 %	62,44 %

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: KĐT Tứ Hiệp, Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội. Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và kinh doanh bất động sản.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí: Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí là nhà thầu xây lắp và kinh doanh bất động sản.

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng.

(3) Công ty CP Sản xuất cửa Hoa Kỳ

	30/06/2017	01/01/2017
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	57,14 %	57,14 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	57,14 %	57,14 %

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro, Lê Chi, Gia Lâm, Hà Nội. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và lắp đặt cửa các loại.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Sản xuất cửa Hoa Kỳ: Thi công lắp đặt cửa các loại cho các hạng mục công trình của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam.

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng.

(4) Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí

	30/06/2017	01/01/2017
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	43,83 %	43,83 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	43,83 %	43,83 %

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: Cụm công nghiệp Hà Mãn - Trí Quả, xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các loại gạch trung áp.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí: Cung cấp gạch khí chung áp các loại. Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng.

(5) Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào

	30/06/2017	01/01/2017
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	19,05 %	19,05 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	19,05 %	19,05 %

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: Số 96 Hà Huy Tập, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, Nghệ An. Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào: Nhận cổ tức.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.)

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng. Tại thời điểm 30/06/2017, Công ty chưa thanh toán được Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2016 của Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào nên chưa xem xét việc trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính vào Công ty CP Kinh doanh tổng hợp Việt Lào. Do đó, giá trị hợp lý được ghi nhận bằng giá gốc.

(6) Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh

	30/06/2017	01/01/2017
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	9,98 %	9,98 %
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	9,98 %	9,98 %

Trụ sở và ngành nghề kinh doanh chính: Số 35 Bến Tàu, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Công ty hoạt động trong lĩnh vực Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

Giao dịch chủ yếu giữa Công ty và Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh: Nhận cổ tức.

Giá trị hợp lý được Công ty xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng.

5. Phải thu khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tạm ứng	5.000.000	-	5.000.000	
Ký cược, ký quỹ	33.392.674	-	686.902.715	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	30.142.674	-	683.652.715	
Các đối tượng khác	3.250.000	-	3.250.000	
Phải thu khác	26.706.896.963	6.025.555.900	26.403.389.566	6.025.555.900
Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào	6.025.555.900	6.025.555.900	6.025.555.900	6.025.555.900
Tổng Công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam (1)	3.436.929.990	-	3.436.929.990	
Công ty CP phát triển Tân Việt (2)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	
Công ty TNHH Phong Thịnh (3)	11.347.160.000	-	11.347.160.000	
Các đối tượng khác	897.251.073	-	593.743.676	
Cộng	26.745.289.637	6.025.555.900	27.095.292.281	6.025.555.900

(1) Là phần lợi nhuận cố định phải chia theo hợp đồng của Dự án Nguyễn An Ninh - Vũng Tàu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 122/2009/BCC-PVC HH ngày 02/06/2009 giữa Công ty và Tổng Công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam.

(2) Là khoản phải thu theo thỏa thuận ba bên giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồng Hà Dầu khí và Công ty Cổ phần Phát triển Tân Việt về việc mua lại Dự án Khu nhà ở Ao trũng tại phường Long Biên, Hà Nội theo Biên bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp thực hiện Dự án đầu tư ngày 9/11/2016.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.)

(3) Là khoản chuyển tiền theo hợp đồng Dây chuyền tuyến nổi quặng đồng cho Công ty TNHH Phong Thịnh số 09/2010 ngày 08/09/2010; Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011; Phụ lục hợp đồng 02 ngày 22/03/2011. Theo Giấy phép đầu tư nước ngoài số 035 do Tiểu ban quản lý - khuyến khích đầu tư trong nước và nước ngoài, nước Cộng hòa DCND Lào cấp ngày 24/08/2010 và Giấy đăng ký kinh doanh số 3185 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Cục thương mại trong nước, Bộ Công thương, Nước Cộng hòa DCND Lào cấp ngày 25/08/2010, Công ty góp vốn cùng ông Nguyễn Tất Lạc, ông Chakkaphanh Buasavan thành lập Nhà máy chế biến quặng thành phẩm M.P.F (nhà máy đặt tại bản Huai phan la, huyện Kasi, tỉnh Viêng Chăn, nước Cộng hòa DCND Lào), số vốn góp đăng ký của Công ty là 20%. Đến thời điểm 29/12/2011, ông Nguyễn Tất Lạc và Nhà máy chế biến quặng thành phẩm M.P.F xác nhận số tiền tương đương số tiền đồng Việt Nam là 11.347.160.000 đã chuyển cho Công ty TNHH Phong Thịnh là khoản tiền Công ty đã đầu tư vào Nhà máy chế biến quặng thành phẩm M.P.F (dây chuyền nói trên đã được vận chuyển đến vị trí của Nhà máy chế biến quặng thành phẩm M.P.F tại bản Huai phan la, huyện Kasi, tỉnh Viêng Chăn, nước Cộng hòa DCND Lào).

6. Nợ xấu

	30/06/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi, đã trích lập dự phòng</i>				
Công ty Kinh doanh tổng hợp Việt Lào	61.025.555.900	-	61.025.555.900	-
Cộng	61.025.555.900	-	61.025.555.900	-

7. Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	127.664.397.024	-	77.433.106.968	-
Cộng	127.664.397.024	-	77.433.106.968	-

8. Tài sản dở dang dài hạn

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự án cao ốc Văn phòng 407 Nguyễn An Ninh	3.112.934.951	3.112.934.951
Cộng	3.112.934.951	3.112.934.951

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.)

9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Khoản mục	01/01/2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2017
Nguyên giá	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Giá trị quyền sử dụng đất	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Tồn thất do suy giảm giá trị	-	-	-	-
Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Giá trị quyền sử dụng đất	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000

- Nguyên giá BĐS đầu tư cuối kỳ hoạt động đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

10. Chi phí trả trước

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	34.764.409	31.433.174
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	34.764.409	31.433.174
b) Dài hạn	32.560.480.819	32.615.111.092
Khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN (*)	32.511.250.000	32.511.250.000
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	49.230.819	103.861.092
Cộng	32.595.245.228	32.646.544.266

(*) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam số 10/2015/BB-HĐQT ngày 25/12/2015, Công ty xác định khoản thanh toán số tiền 77.022.500.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23/06/2010 giữa Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam) và Ông Nguyễn Tất Lạc là một khoản tồn thất. Khoản tồn thất này được ghi nhận và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty từ năm 2015. Số phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm 2015 là 38.511.250.000 đồng, năm 2016 là 6.000.000.000 đồng. Số tiền còn lại được Công ty ghi nhận là khoản chi phí trả trước dài hạn chờ phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Số 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.)***11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
					Cộng	
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2017	788.142.094	18.181.168.409	6.778.122.247	364.320.749		26.111.753.499
Mua trong kỳ	-	6.010.896.722	-	110.645.454		6.121.542.176
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(34.430.827)	-		(34.430.827)
Giảm khác	-	-	-	-		-
Số dư ngày 30/06/2017	788.142.094	24.192.065.131	6.743.691.420	474.966.203		32.198.864.848
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2017	377.571.368	11.782.392.890	2.050.393.098	364.320.749		14.574.678.105
Khấu hao trong kỳ	41.104.259	517.897.408	451.111.200	12.294.000		1.022.406.867
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	(34.430.827)	-		(34.430.827)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-		-
Giảm khác	-	-	-	-		-
Số dư ngày 30/06/2017	418.675.627	12.300.290.298	2.467.073.471	376.614.749		15.562.654.145
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2017	410.570.726	6.398.775.519	4.727.729.149	-		11.537.075.394
Tại ngày 30/06/2017	369.466.467	11.891.774.833	4.276.617.949	98.351.454		16.636.210.703

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.961.766.872 VND

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.288.187.582 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.)

13. Phải trả người bán

	30/06/2017 VND		01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Ban Vật tư (Trương Trung Nghĩa)	19.675.067.060	19.675.067.060	39.107.410.315	39.107.410.315
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	12.816.179.470	12.816.179.470	15.182.644.770	15.182.644.770
Lê Quốc Tuấn	12.509.732.338	12.509.732.338	17.613.082.921	17.613.082.921
Lê Văn Hùng	9.008.974.526	9.008.974.526	12.556.413.536	12.556.413.536
Phạm Vinh Hiền	7.043.683.132	7.043.683.132	3.691.578.248	3.691.578.248
Các đối tượng khác	67.229.266.211	67.229.266.211	90.832.170.628	90.832.170.628
Cộng	128.282.902.737	128.282.902.737	178.983.300.418	178.983.300.418

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

14. Người mua trả tiền trước

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	24.119.998.613	-
Công ty TNHH MTV Ứng dụng công nghệ mới và du lịch	9.566.294.644	80.710.400
Ban Quản lý dự án y tế trọng điểm - Bộ Y tế (BV Việt Đức)	8.394.232.300	18.505.567.300
Các đối tượng khác	9.850.536.227	886.860.120
Cộng	51.931.061.784	19.473.137.820

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.)

15. Vay và nợ thuê tài chính	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
<i>a) Vay ngắn hạn</i>				
Ngân hàng TNHH INDOVINA - CN Thiên Long	92.975.819.227	92.975.819.227	109.890.097.492	68.097.369.714
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội (1)	9.864.250	9.864.250	121.357.050	123.407.800
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân (2)	12.792.593.978	12.792.593.978	12.792.593.978	5.400.000.000
<i>b) Vay dài hạn</i>				
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Xuân (3)	80.173.360.999	80.173.360.999	96.976.146.464	62.573.961.914
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội (4)	6.532.375.000	6.532.375.000	4.358.200.000	599.050.000
	2.174.175.000	2.174.175.000	-	599.050.000
	4.358.200.000	4.358.200.000	4.358.200.000	-
Cộng	99.508.194.227	99.508.194.227	114.248.297.492	68.696.419.714
				53.956.316.449
				53.956.316.449

Thuyết minh chi tiết các khoản vay như sau:

(1): Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 08/2017-HĐTD/NHCT146-HONGHAVA VN ngày 14/3/2017. Hạn mức cho vay 10.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất cho vay thả nổi, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 6,5%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay là nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công xây dựng gói thầu số 23: Hạng mục bổ sung khối lượng đoạn từ K5+780 đến K5+920 (bờ trái) và đoạn từ điểm cuối dự án K6+052 đến sông Cái - Công trình Nạo vét suối sắn máu, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.)

(2): Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo các hợp đồng tín dụng:

+ Hợp đồng tín dụng số 58757.16.003.5466.TD ngày 20/9/2016. Hạn mức công trình: 80.000.000.000 đồng; doanh số cho vay tối đa: 400.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng bằng thời hạn đến trước trong 02 thời hạn; hoặc đến hết ngày 24/5/2017 hoặc tối đa không quá 03 tháng so với thời hạn thi công công trình theo xác nhận của Chủ đầu tư. Lãi suất áp dụng theo văn bản nhận nợ với MB. Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động để thực hiện gói thầu Xây dựng Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức - số 1 thuộc Dự án: "Đầu tư xây dựng mới cơ sở 2 của Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức" theo Hợp đồng số 200/2015/HĐ-XD-VĐ-01 ngày 24/02/2015 đã ký với Ban quản lý dự án Y tế trọng điểm.

+ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 16.13.003.5466.TD ngày 28/01/2013. Hạn mức công trình: 48.000.000.000 đồng, doanh số cho vay tối đa là 237.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trên khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Mục đích sử dụng khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động thực hiện Hợp đồng thi công xây dựng số 71/2012/HĐXD ngày 28/11/2012 đã ký giữa Bệnh viện Chợ Rẫy và Liên danh Công ty CP Hồng Hà đầu khí và Công ty CP Tư vấn thiết kế và xây lắp CDS về việc thi công xây dựng gói thầu TV-XL-TB01-2012.

+ Hợp đồng cấp tín dụng số 148.14.003.5466.TD ngày 05/01/2015. Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 06 tháng. Lãi suất cho vay được xác định cụ thể trong từng Giấy nhận nợ. Mục đích khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công gói thầu số 3XD - Khối lớp học, giảng đường, hội trường, thư viện, hành chính thuộc Dự án Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngành tài chính tại TP Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thi công xây dựng số 56/2014/HĐXL ngày 25/6/2014.

(3): Khoản vay ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 213.15.003.5466.TD ngày 03/03/2015. Hạn mức cho vay 14.073.000.000 đồng. Mục đích vay phát hành bảo lãnh thanh toán, mở LC, cho vay để khách hàng mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất theo quy định của từng khoản vay.

(4) Khoản vay dài hạn ngân hàng theo Hợp đồng cho vay từng lần số 23/2017-HĐTDTH/NHCT146-HONG HA VN ngày 17/05/2017. Hạn mức tín dụng 8.150.000.000 đồng. Thời hạn giải ngân là 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất cho vay được xác định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Mục đích cho vay để đầu tư tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Đơn vị tính: VND 30/06/2017
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	3.281.748.535	2.348.490.729	5.630.239.264	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.170.933.374	-	2.170.933.374	-
Thuế thu nhập cá nhân	28.186.038	254.928.972	253.240.715	29.874.295
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	5.480.867.947	2.607.419.701	8.058.413.353	29.874.295
b) Phải thu				
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	420.034.000	420.034.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	28.974.971	28.974.971
Cộng	-	-	449.008.971	449.008.971

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.)

17. Chi phí phải trả

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí công trình	12.771.010.001	670.264.243
Cộng	12.771.010.001	670.264.243

18. Phải trả khác

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	330.796.580	236.392.240
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	10.688.023.673	1.364.926.349
<i>Công ty TNHH Hồng Hà Thành Công</i>	<i>200.012.008</i>	<i>200.012.008</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>9.727.381.000</i>	<i>677.381.000</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác.</i>	<i>760.630.665</i>	<i>487.533.341</i>
Cộng	11.018.820.253	1.601.318.589

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***19. Vốn chủ sở hữu****19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư ngày 01/01/2016	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.089.302.618)	8.642.252.562	247.249.724.444	
Lãi trong năm trước	-	-	-	5.823.769.272	5.823.769.272	
Tăng khác	-	-	(9.130.791)	-	(9.130.791)	
Giảm khác	-	-	-	(2.922.398.697)	(2.922.398.697)	
Số dư ngày 01/01/2017	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.098.433.409)	11.543.623.137	250.141.964.228	
Lãi trong năm	-	-	-	510.094.299	510.094.299	
Tăng khác (*)	-	-	(4.458.666)	-	(4.458.666)	
Chia cổ tức	-	-	-	(9.050.000.000)	(9.050.000.000)	
Phân phối các quỹ	-	-	-	(493.000.000)	(493.000.000)	
Số dư ngày 30/06/2017	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.102.892.075)	2.510.717.436	241.104.599.861	

Số lượng Cổ phiếu quỹ: 1.900.000 cổ phiếu

(*) Tăng khác là khoản phí lưu ký Cổ phiếu quỹ hàng tháng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND		
Vốn góp của các cổ đông	200.000.000.000	200.000.000.000		
Cộng	200.000.000.000	200.000.000.000		
19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000		
Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000		
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-		
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-		
Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000		
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.050.000.000	-		
19.4 Cổ phiếu	30/06/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000		
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000		
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.900.000	1.900.000		
- Cổ phiếu phổ thông	1.900.000	1.900.000		
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.100.000	18.100.000		
- Cổ phiếu phổ thông	18.100.000	18.100.000		
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-		
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu				
19.5 Các quỹ của công ty		Đơn vị tính: VND		
Khoản mục	01/01/2017	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	30/06/2017
Quỹ đầu tư phát triển	23.897.888.303	-	-	23.897.888.303
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.232.251.900	-	-	4.232.251.900
Cộng	28.130.140.203	-	-	28.130.140.203

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng vào việc khen thưởng hoặc các mục đích khác phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.465.881.082	1.172.135.146
Doanh thu hợp đồng xây dựng	143.380.659.582	197.459.173.699
Cộng	144.846.540.664	198.631.308.845

c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.524.463.514	1.170.428.501
Giá vốn hợp đồng xây dựng	129.273.141.421	183.067.468.975
Cộng	130.797.604.935	184.237.897.476

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	132.565.502	215.415.283
Cổ tức, lợi nhuận được chia	603.000.000	1.056.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác.	17.898	55.182.310
Cộng	735.583.400	1.326.597.593

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí lãi vay	2.187.554.889	773.167.535
Cộng	2.187.554.889	773.167.535

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	68.181.818	-
Cộng	68.181.818	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.)

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí khác	245.454.545	-
Cộng	245.454.545	-

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	6.798.543.340	5.888.975.017
Chi phí vật liệu quản lý	-	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	254.040.568	225.312.526
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	492.962.400	447.965.273
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.849.678.554	4.219.050.369
Chi phí bằng tiền khác	1.510.372.352	3.634.495.316
Cộng	11.909.597.214	14.419.798.501

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	152.843.369.957
Chi phí nhân công	27.394.141.848
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.022.406.867
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.295.352.637
Chi phí khác bằng tiền	1.514.372.352
Cộng	197.069.643.661

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:	145.650.305.882	199.957.906.438
<i>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	145.047.305.882	198.901.906.438
<i>Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	603.000.000	1.056.000.000
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	145.140.211.583	199.430.863.512
<i>Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	145.126.687.965	199.293.312.512
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	13.523.618	137.551.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.)

Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(79.382.083)	(391.406.074)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
1. Số tiền đi vay thực thu trong năm:		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	114.248.297.492	90.009.237.939
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	68.696.419.714	96.786.074.011

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội
Công ty CP Sản xuất cửa Hoa Kỳ
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí
Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty liên kết
Công ty nhận vốn góp

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Mua hàng	53.522.370	28.615.523.524
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	-	27.177.295.524

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAMĐịa chỉ: Số 161A Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô,
quận Cầu Giấy, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.)

Công ty CP Sản xuất cửa Hoa Kỳ	53.522.370	1.438.228.000
Bán hàng	53.742.017.158	29.138.484.545
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	25.000.000	-
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	53.717.017.158	29.138.484.545
Nhận cổ tức	603.000.000	1.056.000.000
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	453.000.000	906.000.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh	150.000.000	150.000.000
Số dư với các bên liên quan	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng	12.065.451.658	5.986.719.845
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	12.065.451.658	5.986.719.845
Người mua trả tiền trước	24.119.998.613	-
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	24.119.998.613	-
Trả trước cho người bán	4.479.663.308	3.559.663.308
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	3.361.714.108	3.361.714.108
Công ty CP Sản xuất cửa Hoa Kỳ	1.117.949.200	197.949.200
Phải trả người bán	13.777.364.405	16.483.921.745
Công ty CP Hồng Hà Hà Nội	12.944.628.670	15.311.093.970
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	3.495.600	16.711.832
Công ty CP Sản xuất cửa Hoa Kỳ	829.240.135	1.156.115.943
Phải thu về cho vay	1.300.000.000	1.325.175.000
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	1.300.000.000	1.300.000.000
Phải thu khác	-	25.175.000
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	-	25.175.000
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
	đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
	VND	VND
Lương, thưởng	1.165.500.000	991.129.100
Cộng	1.165.500.000	991.129.100

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.)

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long T.D.K và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty CP Hồng Hà Việt Nam đã được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hoa Vinh

KT Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa Vinh

Phó Tổng giám đốc



Phạm Thị Cẩm Anh